|  |  |
| --- | --- |
| **Trường Tiểu học Tân Tiến**  Họ và tên................................................  Lớp 2… | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM**  **MÔN TIẾNG VIỆT – LỚP 2**  **Năm học: 2020 – 2021**  *Thời gian: 40 phút (không kể giao đề)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm**  **Đọc:**  **Viết:**  **Bài TV:** | **Nhận giáo xét của viên**  ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

1. **KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)**

**I. Đọc thành tiếng** (....../4 điểm)

Bài đọc:................................................................................................................

**II. Đọc hiểu – Luyện từ và câu** (......./6 điểm)

*Đọc thầm bài đọc sau:*

**HAI QUẢ TÁO**

Một em bé đáng yêu đang cầm hai quả táo trong tay. Mẹ em bước vào phòng và mỉm cười hỏi em: “Con yêu, con có thể cho mẹ một quả táo được không?”

Em bé ngước nhìn mẹ trong một vài giây, sau đó lại nhìn xuống từng quả táo trên hai tay mình. Bất chợt, em cắn một miếng trên quả táo ở tay phải rồi lại cắn thêm một miếng trên quả táo bên tay trái.

Nụ cười trên gương mặt bà mẹ bỗng trở nên gượng gạo nghĩ rằng em bé không muốn cho mẹ quả táo. Bà cố gắng không để lộ nỗi thất vọng của mình.

Sau đó, em bé giơ lên một trong hai quả táo vừa bị cắn lúc nãy và rạng rỡ nói: “Quả táo này dành cho mẹ nhé, nó ngọt hơn đấy ạ!”

(*Theo* Quà tặng cuộc sống)

***Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng và hoàn thành các bài tập theo yêu cầu!***

**Câu 1** (0,5 điểm). Người mẹ đã đề nghị em bé điểu gì?

A. Cho mẹ ăn chung một quả táo. B. Cho mẹ một quả táo.

C. Cho mẹ cả hai quả táo.

**Câu 2** (0,5 điểm). Khi mẹ xin một quả táo em bé đã làm gì?

A. Cắn mỗi quả táo một miếng. B. Đưa quả táo cho mẹ.

C. Từ chối, không đưa cho mẹ.

**Câu 3** (0,5 điểm). Người mẹ cảm thấy như thế nào trước việc làm của em bé?

A. Cảm thấy rất ngạc nhiên. B. Cảm thấy rất tức giận.

C. Cảm thấy rất thất vọng.

**Câu 4** (0,5 điểm). Vì sao người mẹ thất vọng trước việc làm của em bé?

A. Vì không muốn ăn quả táo bị cắn dở.

B. Vì nghĩ rằng mình sẽ được cho quả táo không ngon.

C. Vì nghĩ rằng em bé không muốn cho mẹ quả táo.

**Câu 5** (1 điểm). Câu nói cuối cùng của em bé cho ta biết điều gì?

A. Em bé muốn dành cho mẹ quả táo ngọt hơn.

B. Em bé muốn cho mẹ quả táo không ngon.

C. Em bé không muốn dành cho mẹ quả táo nào.

**Câu 6** (0,5 điểm). Từ trái nghĩa với từ ***buồn bã*** là:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. nặng nề** | **B. vui vẻ** | **C. ngạc nhiên** |

**Câu 7** (1 điểm). Em hãy viết một câu nói về tình cảm của em đối với bố hoặc mẹ.

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Câu 8(0,5 điểm).****Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong câu sau:**

**Hằng ngày em giúp mẹ quét nhà quét sân.**

**Câu 9(1 điểm).****Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm trong câu sau:**

Chúng em trồng nhiều cây xanh **để môi trường thêm trong sạch.**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**B. KIỂM TRA VIẾT** (10 điểm)

**I. Chính tả** (4 điểm). Thời gian: 15 phút

Nghe – viết: ***Sông Hương*** (Tiếng Việt 2 - tập 2, trang 72)

(Đoạn “ *Mỗi mùa hè*... *dát vàng.*”)

**II. Tập làm văn** (6 điểm). Thời gian: 30 phút

Học sinh chọn một trong các đề sau:

1. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về ảnh hoặc tượng Bác Hồ

2. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về một mùa mà em thích.

3. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về một loài cây mà em thích.

4. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về biển.

..........................*Hết*.........................

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ BÀI KTĐK CUỐI NĂM HỌC 2020 - 2021**

**MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2**

**A/ KIỂM TRA ĐỌC: 10 điểm (có thể là số thập phân)**

**1. Đọc thành tiếng: 4 điểm**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm

- Đọc đúng tiếng từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1 điểm

- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

**2. Đọc thầm và làm bài tập (6 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **Đáp án** | B | A | C | C | A | B |
| **Điểm** | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1 | 0,5 | 0,5 |

**Câu 7:1 điểm**(HS có thể viết: Mẹ là người em yêu nhất.)

- Viết câu đúng yêu cầu, nghĩa trong sáng, đúng ngũ pháp, đúng chính tả: 1 điểm.

- Mắc lỗi chính tả trừ nửa số điểm.

- Đầu câu không viết hoa, không có dấu câu trừ 0,5 điểm/lỗi.

**Câu 8: 0,5 điểm** (Điền mỗi dấu phẩy đúng vị trí: 0,25 điểm)

**Đáp án: Hằng ngày, em giúp mẹ quét nhà, quét sân.**

**Câu 9: 1 điểm**

**Đáp án:** Chúng em trồng nhiều cây xanh **để làm gì?**

*Nếu đầu câu không viết hoa, cuối câu không có dấu chấm hỏi: trừ 0,5 điểm/lỗi*.

**B. KIỂM TRA VIẾT: 10 điểm (có thể là số thập phân)**

**1. Chính tả:** 4 điểm.

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm.

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 1 điểm.

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi) : 1điểm.

- Trình bày đúng quy định,viết sạch, đẹp: 1 điểm.

**2. Tập làm văn:** 6 điểm.

- Nội dung: 3 điểm. Học sinh viết được đoạn văn theo đúng yêu cầu của đề bài, bố cục chặt chẽ, có câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; độ dài bài viết khoảng từ 4 - 5 câu.

- Kĩ năng : 3 điểm.

+ Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm.

Bài viết sai trên 10 lỗi: 0 điểm.

+ Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm.

HS dùng sai 3 - 5 từ hoặc câu: 0,5 điểm. HS dùng sai hơn 5 từ hoặc câu: 0 điểm.

+ Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm. Bài viết có sử dụng các biện pháp nghệ thuật (so sánh, nhân hóa, …), từ ngữ gợi tả, gợi cảm, lời văn tự nhiên, có hình ảnh.

\* **Lưu ý**: Điểm bài KT môn T.Việt là điểm trung bình cộng của bài KT Đọc và KT Viết, làm tròn theo nguyên tắc 0,5 thành 1.